

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 151/QĐ-TĐC

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm
phương tiện đo, chuẩn đo lường**

TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Căn cứ Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đo lường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Hải Phòng (địa chỉ trụ sở: Số 2, Đường Nguyễn Sơn Hà, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; ĐT: 031.3533278) thực hiện hoạt động kiểm định phương tiện đo đối với lĩnh vực hoạt động ghi trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Địa điểm thực hiện hoạt động: tại trụ sở chính và tại hiện trường.

Điều 3. Trong hoạt động kiểm định, Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Hải Phòng được sử dụng dấu kiểm định mang ký hiệu N220.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 30/10/2021.

Điều 5. Vụ trưởng Vụ Đo lường, Giám đốc Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Hải Phòng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TTKĐ kỹ thuật an toàn Hải Phòng;
- Chi cục TCĐLCL TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT, ĐL.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Trần Văn Linh



Phụ lục
LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO
CỦA TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN HẢI PHÒNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 215/QĐ-TĐC ngày 13 tháng 10 năm 2016
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

TT	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Chế độ kiểm định
1	Áp kế lò xo	(0 ÷ 400) bar	đến 1,5 %	Ban đầu, định kỳ, sau sửa chữa
2	Huyết áp kế lò xo	(0 ÷ 300) mmHg	đến ± 3 mmHg	
3	Huyết áp kế thủy ngân	(0 ÷ 300) mmHg	đến ± 3 mmHg	

8/

N.